

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08 – 6 - 2021

V/v tranh chấp “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiền.

2. Ông Phan Văn Truyện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ – Là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K.

Ngày **08 tháng 6 năm 2021**, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số **36/2021/TLHNGĐ-ST** ngày **16 tháng 3 năm 2021** về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **22/2021/QĐXXHNGĐ-ST** ngày **19 tháng 5 năm 2021**, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Oanh, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Lê Thanh T, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã Thạnh Hưng, thị xã K, tỉnh Long An.

Bà O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, **ông T vắng mặt không có lý do.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn của **bà Trần Thị O**, các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Yêu cầu của nguyên đơn - **Bà Trần Thị O** trình bày: Vào năm 2020, bà và ông T yêu thương nhau và được sự đồng ý của hai bên gia đình nên có tổ chức lễ cưới. Ngày **14 tháng 02 năm 2020**, ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã K, tỉnh Long An. Bà và ông T tự nguyện kết hôn, không bị ai ép

buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 09 tháng thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông T ăn chơi thiếu nợ, thường hay đánh bà. Sự việc này cứ lặp đi lặp lại và kéo dài đến nay. Từ tháng 12 năm 2020 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, tự làm tự sống, bỏ mặc cho nhau muốn sống ra sao thì sống. Do đó, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên bà yêu cầu ly hôn với ông T, trả lại tự do cho nhau. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà xác định và cam kết trong thời kỳ hôn nhân không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi nhận được hồ sơ khởi kiện của bà O, Tòa án nhân dân thị xã K tiến hành thụ lý giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Tòa án nhân dân thị xã K đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã tổng đạt hợp lệ cho ông T nhưng ông T không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo các thông báo của Tòa án. Đồng thời, ông T cũng không gửi văn bản nêu ý kiến của ông T cho Tòa án biết về việc bà O khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T. Do đó, các phiên hòa giải không thể tiến hành được theo quy định pháp luật nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, bị đơn là ông T có địa chỉ tại xã T, thị xã K, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bà O, ông T tại phiên tòa: Bà O, ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà O, ông T là phù hợp theo các Điều 177, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà O và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, thị xã K, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào năm 2020. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Bà O xác định bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai, tự làm tự sống, bỏ mặc cho nhau muốn sống ra sao thì sống. Do đó, tình trạng hôn nhân giữa bà O và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà O, xử cho bà O được ly hôn với ông T là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà O xác định và cam kết trong thời kỳ hôn nhân không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Áp dụng các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà O phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 177, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà **Trần Thị O**, xử cho bà **Trần Thị O** được ly hôn với ông **Lê Thanh T**.

2. Về án phí:

Buộc bà **Trần Thị O** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số **0009604 ngày 15 tháng 3 năm 2021** của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K. Bà **Trần Thị O** đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt đương sự, báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- Đường sự;
- UBND xã *Thanh Hưng*;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Diệu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

